

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG CẦU
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023-2024
Môn: GDKT & PL – KHỐI 11

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

MÃ ĐỀ 101

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:Lớp:Phòng thi:

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Phát biểu nào dưới đây là sai về khái niệm bình đẳng giới?

- A. Bình đẳng giới là việc nam và nữ có vị trí ngang nhau.
- B. Bình đẳng giới là việc nam và nữ có vai trò ngang nhau.
- C. Bình đẳng giới là việc nam và nữ có quyền lợi giống nhau.
- D. Bình đẳng giới là việc nam và nữ có cơ hội ngang nhau.

Câu 2. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí có nghĩa là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về

- A. hành vi vi phạm của mình.
- B. tiến trình phục dựng hiện trường.
- C. dấu hiệu nghi ngờ phạm tội.
- D. lời khai nhân chứng cung cấp.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây là sai về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo ở nước ta?

- A. Tôn giáo được pháp luật công nhận có quyền xây dựng cơ sở thờ tự.
- B. Mọi tôn giáo hợp pháp đều bình đẳng trong hoạt động tôn giáo.
- C. Mọi tôn giáo đều bình đẳng trong hoạt động tôn giáo.
- D. Tôn giáo được pháp luật công nhận được xuất bản phẩm về tôn giáo.

Câu 4. Bất kì công dân nào đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được bình đẳng về hưởng quyền và phải

- A. truyền bá các nghi lễ tôn giáo.
- B. chia đều các nguồn thu nhập.
- C. thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước.
- D. ủy quyền lập di chúc thừa kế.

Câu 5. Theo quy định của pháp luật, quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực chính trị thể hiện ở việc các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều có quyền

- A. hỗ trợ chi phí học đại học.
- B. tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- C. tham gia phát triển du lịch cộng đồng.
- D. khám chữa bệnh theo quy định.

Câu 6. Phát biểu nào dưới đây là sai về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo?

- A. Nam nữ bình đẳng về độ tuổi đi học.
- B. Nam nữ bình đẳng khi tiếp cận chính sách giáo dục.
- C. Nam nữ bình đẳng về lựa chọn ngành nghề học tập.
- D. Nam nữ bình đẳng trong tiếp cận nguồn vốn.

Câu 7. Thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện tốt việc đoàn kết

- A. với giai cấp công nhân.
- B. giữa các dân tộc.
- C. cộng đồng quốc tế.
- D. với giai cấp nông dân.

Câu 8. Công dân dù ở địa vị nào, làm bất cứ nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm

- A. hòa giải.
- B. cải chính.
- C. bồi thường.
- D. pháp lí.

Câu 9. Cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực

- A. tôn giáo.
- B. văn hóa.
- C. tín ngưỡng.
- D. giáo dục.

Câu 10. Việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó là nội dung khái niệm

- A. bình đẳng giới.
- B. phúc lợi xã hội.
- C. bảo hiểm xã hội.
- D. an sinh xã hội.

Câu 11. Bất kỳ công dân nào nếu có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật đều bình đẳng về cơ hội học tập là thể hiện công dân bình đẳng về

- A. tập tục. B. nghĩa vụ. C. trách nhiệm. D. quyền.
- Câu 12.** Những chính sách phát triển kinh tế- xã hội mà Nhà nước ban hành cho vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng sâu vùng xa là góp phần thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc về
- A. chính trị. B. kinh tế. C. văn hóa. D. xã hội.
- Câu 13.** Theo quy định của pháp luật, trong lĩnh vực tín ngưỡng tôn giáo, mọi công dân đều có quyền
- A. kỳ thị các tôn giáo khác. B. phải theo một tôn giáo bất kỳ.
- C. theo hoặc không theo tôn giáo. D. xuyên tạc chính sách tôn giáo.
- Câu 14.** Theo quy định của pháp luật, quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi
- A. tâm lí và yếu tố thể chất. B. thành phần và địa vị xã hội.
- C. trạng thái sức khỏe tâm thần. D. năng lực trách nhiệm pháp lí.
- Câu 15.** Theo quy định của pháp luật, các tôn giáo được nhà nước công nhận đều
- A. bình đẳng trước pháp luật. B. nộp thuế cho nhà nước.
- C. phải công khai thu nhập. D. phải chịu trách nhiệm pháp lý.
- Câu 16.** Lao động nam và lao động nữ được bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm là thể hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực
- A. Chính trị. B. Văn hóa. C. Lao động. D. Giáo dục.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18,19,20

Cùng với sự nỗ lực của Đảng, Nhà nước và toàn thể xã hội trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong việc thực hiện quyền con người, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và công tác phụ nữ, cán bộ nữ đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, rất đáng tự hào và được cộng đồng quốc tế ghi nhận. Xếp hạng năm 2012 của Liên hợp quốc về chỉ số bất bình đẳng giới Việt Nam xếp thứ 47/187 quốc gia, so với vị trí 58/136 quốc gia năm 2010 (thứ hạng càng gần 0 càng thể hiện sự bình đẳng cao). Việt Nam cũng được Liên hợp quốc đánh giá là nước có nhiều tiến bộ trong cải thiện công bằng giới. Đạt được kết quả như trên, bên cạnh những thành quả chung của cả nước, công tác bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số góp phần quan trọng trong thực hiện thành công mục tiêu, chỉ tiêu quốc gia về bình đẳng giới. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ta có dân số chiếm 14,3% dân số cả nước, trong những năm qua, công tác bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số có nhiều chuyển biến tích cực: Tỷ lệ cán bộ, công chức nữ trong đó có cán bộ, công chức nữ là người dân tộc thiểu số tham gia trong khu vực công ngày càng tăng, như: tỉnh Điện Biên tỷ lệ cán bộ, công chức trong khu vực công chiếm 36%, trong đó cán bộ, công chức nữ dân tộc thiểu số chiếm 18,7%. Tỉnh Lào Cai, tỷ lệ này là 62,2% và 15%; Tỉnh Kom Tum tỷ lệ này là 56,84% và 12,50%. Điều đó cho thấy, đời sống vật chất, văn hoá tinh thần phụ nữ dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện rõ rệt.

Câu 17: Tỷ lệ cán bộ, công chức nữ ngày càng tăng là kết quả của việc thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trên lĩnh vực

- A. chính trị. B. kinh tế. C. văn hóa. D. xã hội.
- Câu 18:** Kết quả của việc thực hiện bình đẳng giới cũng như việc nâng cao tỷ lệ cán bộ công chức trong các cơ quan nhà nước thể hiện công dân bình đẳng trước pháp luật trong việc thực hiện
- A. nghĩa vụ. B. trách nhiệm pháp lý.
- C. quyền. D. an sinh xã hội.

Câu 19: Đời sống vật chất, văn hoá tinh thần phụ nữ dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện rõ rệt là kết quả của việc thực hiện:

- A. Bình đẳng giới.
- B. Bình đẳng giữa các tôn giáo.
- C. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- D. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- Câu 20:** Nội dung nào dưới đây thể hiện các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều bình đẳng về chính trị?
- A. Chỉ số bình đẳng giới ngày càng giảm.
- B. Đời sống vật chất tinh thần cải thiện.
- C. Cán bộ, công chức nữ người dân tộc ngày càng tăng.
- D. Dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng tăng.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 21,22

Đối với nước ta, pháp luật trừng phạt nghiêm khắc các hành vi tước đoạt mạng sống của con người một cách tùy tiện; nghiêm cấm tra tấn nhục hình; chỉ áp dụng án tử hình với các loại tội đặc biệt nghiêm trọng nhất. Bộ luật Hình sự năm 2015 tiếp tục bỏ án tử hình ở 8 tội danh; không áp dụng hình phạt tử hình

với người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội... Việc bảo đảm quyền sống còn được quan tâm về khía cạnh kinh tế, xã hội thông qua việc thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững; tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe của bà mẹ và trẻ sơ sinh; thực hiện các biện pháp cứu trợ khẩn cấp đối với những vùng chịu thiệt hại nặng do thiên tai, dịch bệnh. Vì vậy, tỷ lệ đói nghèo và tỷ lệ tử vong bà mẹ và trẻ sơ sinh giảm rõ rệt. Hoặc, đối với quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, Việt Nam đã xây dựng khuôn khổ pháp lý vững chắc về bảo đảm quyền này trong Hiến pháp năm 2013, Pháp luật đã điều chỉnh nhiều quy định về thời gian, thủ tục để tạo thuận lợi cho các hoạt động tôn giáo...

Câu 21: Việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý vững chắc về quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo là góp phần đảm bảo cho mọi công dân đều được tự do thực hiện quyền nào dưới đây?

- A. Quyền có thu nhập hợp pháp.
- B. Quyền tự do tín ngưỡng.
- C. Quyền sở hữu tư nhân.
- D. Quyền thừa kế tài sản.

Câu 22: Tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe của bà mẹ và trẻ sơ sinh; thực hiện các biện pháp cứu trợ khẩn cấp đối với những vùng chịu thiệt hại nặng do thiên tai, dịch bệnh là thực hiện nội dung nào dưới đây để đảm bảo mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật?

- A. Mọi công dân đều bình đẳng về hưởng quyền.
- B. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ.
- C. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- D. Công dân bình đẳng về lao động và việc làm.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 23,24

Hưởng ứng ngày Dân số Thế giới 11/7, Trung tâm Y tế huyện M dự định tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao có nội dung tuyên truyền về “Tăng cường chăm sóc sức khỏe sinh sản vì chất lượng cuộc sống”. Khi lập kế hoạch, ban tổ chức đã quyết định mời cả nam và nữ tham gia vào tất cả các hoạt động tuyên truyền.

Câu 23: Việc ban tổ chức đã quyết định mời cả nam và nữ tham gia vào tất cả các hoạt động tuyên truyền là thực hiện đúng quyền nào của công dân?

- A. Bình đẳng giới
- B. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- C. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- D. Bình đẳng giữa các tôn giáo.

Câu 24: Xác định nội dung bình đẳng giới trong thông tin trên?

- A. Bình đẳng trong tham gia các hoạt động lao động.
- B. Bình đẳng trong tham gia các hoạt động văn hóa.
- C. Bình đẳng trong tham gia các hoạt động chính trị.
- D. Bình đẳng trong tham gia các hoạt động kinh tế.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Trên địa bàn huyện X có anh D là người dân tộc Kinh, chị H là người dân tộc thiểu số. Anh D và chị H cùng nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh, thành lập công ty tư nhân. Anh D đăng ký thành lập công ty sản xuất nước ngọt, còn chị H đăng ký thành lập công ty may quần áo bảo hộ lao động. Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký kinh doanh, xét thấy hồ sơ của hai cá nhân này đáp ứng đầy đủ quy định của pháp luật, các cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho anh D và chị H trong thời hạn quy định. Trong thời gian đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, anh D và chị H luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật về kê khai và nộp thuế, tuy nhiên sau đó do tác động của dịch bệnh, chị H thường xuyên chậm nộp thuế nên bị cơ quan chức năng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, với việc nghiêm chỉnh chấp hành việc nộp thuế, anh D được cơ quan chức năng đề xuất với cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo quy định. Trong đợt bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã, anh D và chị H cùng ra ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân xã, sau đó anh D đã trúng cử với số phiếu bầu cao. Trong thời gian anh D làm đại biểu hội đồng nhân dân anh đã tích cực hướng dẫn giúp bà con trong xã phát triển kinh tế vươn lên làm giàu.

A. Anh D và chị H cùng nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh là thể hiện công dân trước pháp luật về nghĩa vụ.

B. Chị H và anh D cùng được cấp phép kinh doanh ở các lĩnh vực khác nhau là thể hiện bình đẳng giới trên lĩnh vực kinh tế.

C. Anh D trúng cử Hội đồng nhân dân xã, còn chị H không trúng cử điều này thể hiện sự bất bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực chính trị.

D. Anh D được khen thưởng còn chị H bị xử phạt vì chậm thuê dù có lý do khách quan là dịch bệnh thể hiện sự phân biệt đối xử về giới trong sản xuất kinh doanh.

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em cùng sinh sống (có 53 dân tộc thiểu số, với gần 14 triệu người, chiếm khoảng 14,3% dân số cả nước); nhu cầu chính đáng về tín ngưỡng, tôn giáo luôn được các cấp chính quyền quan tâm hướng dẫn, giải quyết, tiêu biểu, như: cộng đồng dân tộc Chăm theo Hồi giáo và đạo Bà la môn được thành lập Ban đại diện cộng đồng để hỗ trợ sinh hoạt tôn giáo; Giáo hội Phật giáo Việt Nam xây dựng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer để đáp ứng nhu cầu đào tạo tu sĩ Phật giáo Nam tông Khmer; kinh sách của các tổ chức tôn giáo đã được xuất bản bằng 13 thứ tiếng dân tộc; Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc bảo đảm quyền bầu cử, ứng cử cho người dân tộc thiểu số, người trong vùng có đạo, bảo đảm tỷ lệ thích đáng, phù hợp đại diện các dân tộc, người của các tổ chức tôn giáo trong cơ quan Quốc hội cũng như Hội đồng nhân dân các cấp. Trong danh sách 499 người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, có 89 đại biểu là người dân tộc thiểu số, có 05 vị chức sắc trúng cử đại biểu, 88 chức sắc, chức việc và 35 tín đồ các tôn giáo trúng cử đại biểu HĐND cấp tỉnh; 225 chức sắc, chức việc, nhà tu hành và 246 tín đồ trúng cử đại biểu HĐND cấp huyện. Đặc biệt Quốc hội khóa XV có 151 đại biểu là nữ, chiếm tỷ lệ 30,26%. Đây là lần thứ hai tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội Việt Nam đạt trên 30%, số lượng nữ đại biểu là người dân tộc thiểu số tại Quốc hội khóa XV cũng tăng (44 người so với 41 người của khóa XIV), nữ giới chiếm đến 49,43% tổng số đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số (44/89 đại biểu).

A. Tỷ lệ nữ trong Quốc hội ngày càng tăng cao phản ánh vai trò của nam giới ngày càng giảm, từ đó thúc đẩy sự bất bình đẳng giới.

B. Mọi tôn giáo ở Việt Nam đều được xây dựng các cơ sở thờ tự, tổ chức các hoạt động tôn giáo và xuất bản phẩm về tôn giáo.

C. Số người trúng cử vào các cơ quan trong bộ máy nhà nước là người dân tộc thiểu số ngày càng tăng cao thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về mặt chính trị.

D. Bình đẳng giữa các dân tộc về chính trị là cơ sở để thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc ở nước ta hiện nay.

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Anh V và chị T tự ứng cử đại biểu HĐND cấp xã. Biết được thông tin này, ông N (cán bộ xã Y) rất bức xúc. Ông N cho rằng: chị T là phụ nữ, không có đủ trình độ và năng lực để trở thành đại biểu HĐND, do đó, ông N đã nhiều lần tung tin đồn thất thiệt, làm ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của chị T.

A. Ông N vi phạm quy định pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

B. Ở nước ta hiện nay, nam nữ bình đẳng trong về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan tổ chức là thể hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

C. Để đảm bảo bình đẳng giới trên lĩnh vực chính trị tỉ lệ nữ nhất định phải nhiều hơn nam.

D. Cả nam và nữ đều bình đẳng trong việc tham gia tự ứng cử vào cơ quan nhà nước

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Ở Việt Nam hiện nay, tất cả các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, không một tôn giáo nào hoạt động đúng pháp luật bị ngăn cấm. Nhiều ngày lễ quan trọng của nhiều tôn giáo đã trở thành ngày lễ chung của cộng đồng. Mọi người dân Việt Nam đều có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân luôn được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và đảm bảo, số lượng các tín đồ tôn giáo tăng nhanh. Theo số liệu cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2019 thì cả nước có hơn 13,162 triệu người xác nhận theo một trong những tôn giáo được đăng ký chính thức.

A. Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo xuất phát từ quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.

B. Lễ Giáng sinh không chỉ là ngày lễ của những người theo đạo Thiên Chúa mà là sinh hoạt văn hóa của nhiều cộng đồng.

C. Mọi người dân Việt Nam tất cả công dân đều phải đi theo ít nhất một tôn giáo.

D. Số liệu tín đồ các tôn giáo gia tăng thể hiện đời sống tín ngưỡng ngày càng phát triển.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu:

- Giám thị không giải thích gì thêm